

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 3 - 2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh.

Ông Doãn Văn Sáng.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh T; nơi đăng ký thường trú: Thôn P, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số nhà 5A3 tập thể V, quận K, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T1; địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Xuân Nguyên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Thanh T là nguyên đơn, khởi kiện với nội dung chị và anh Phạm Văn T1 quen biết, phát sinh tình cảm và đi đến hôn nhân tự nguyện. Chị và anh T1 đã đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 3 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau lễ cưới, chị và anh T1 về chung sống tại thôn P, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị T và gia đình đã khuyên ngăn nhưng anh T1 vẫn không thay đổi. Đến cuối năm 2013, anh T1 vi phạm pháp luật và hiện

đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Xuân Nguyên, Hải Phòng. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Văn T1. Chị T và anh T1 có 03 con chung tên Phạm Thị Huyền Tr sinh ngày 24 tháng 3 năm 2006, Phạm Thị Như Q sinh ngày 31 tháng 01 năm 2008 và Phạm Gia L sinh ngày 03 tháng 12 năm 2013. Từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, chị T là người trực tiếp nuôi con. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao các con cho chị tiếp tục nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, chị và anh T1 không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản.

Anh Phạm Văn T1 là bị đơn, có lời khai công nhận mối quan hệ hôn nhân, con chung giữa hai người đúng như lời khai của chị T. Mâu thuẫn giữa vợ chồng có nguyên nhân như chị T khai. Nay chị T xin ly hôn, anh T1 nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên anh đồng ý ly hôn. Anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng các con chung giữa hai người là cháu Phạm Thị Huyền Tr sinh ngày 24 tháng 3 năm 2006, Phạm Thị Như Q sinh ngày 31 tháng 01 năm 2008 và Phạm Gia L sinh ngày 03 tháng 12 năm 2013. Việc cấp dưỡng cho con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, anh và chị T không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản. Vì đang phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam không thể tham gia phiên tòa được nên anh T1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng theo Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đề nghị giao các con chung tên Phạm Thị Huyền Tr sinh ngày 24 tháng 3 năm 2006, Phạm Thị Như Q sinh ngày 31 tháng 01 năm 2008 và Phạm Gia L sinh ngày 03 tháng 12 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng; người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

Bị đơn là anh Phạm Văn T1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh T ly hôn với anh Phạm Văn T1

Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, kết hôn giữa chị T và

anh T1 là hợp pháp. Xuất phát từ mẫu thuẫn vợ chồng, từ năm 2013, chị T và anh T1 đã sống ly thân. Đến nay, chị T xin ly hôn, anh T1 đồng ý. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T ly hôn với anh T1.

[3] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con

Chị T và anh T1 có 03 con chung tên Phạm Thị Huyền Tr sinh ngày 24 tháng 3 năm 2006, Phạm Thị Như Q sinh ngày 31 tháng 01 năm 2008 và Phạm Gia L sinh ngày 03 tháng 12 năm 2013. Khi ly hôn, chị T đề nghị để chị được trực tiếp nuôi con, anh T1 đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con. Xét thấy, con chung được chị T trực tiếp nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, chị T có công việc và thu nhập ổn định. Mặt khác, con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ, anh T1 đang phải chấp hành hình phạt tù không thể trực tiếp nuôi con nên Hội đồng xét xử xét giao cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi con là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Anh T1 không yêu cầu giải quyết. Xét việc không yêu cầu cấp dưỡng chị T là tự nguyện, quyền lợi của con vẫn được đảm bảo; anh T1 chưa có điều kiện thực hiện việc cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không buộc anh T1 phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung, chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Phạm Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí, chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

- Cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Phạm Văn T1.

- Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là Phạm Thị Huyền Tr sinh ngày 24 tháng 3 năm 2006, Phạm Thị Như Q sinh ngày 31 tháng 01 năm 2008 và Phạm Gia L sinh ngày 03 tháng 12 năm 2013 đến khi thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0003385 ngày 13/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị Nguyễn Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

- Chị Nguyễn Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã Lưu Kiếm, H. Thủy Nguyên;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huân

